|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ  **TRƯỜNG THCS HÙNG VƯƠNG** | **Kiểm tra học kì I – Tiết 18**  **NĂM HỌC 2019 - 2020**  **MÔN Địa lý** **– Khối lớp 8** |

I**. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU KIỂM TRA:**

- Đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 3 mức độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của HS sau khi học về chủ đề Châu Á (Vị trí địa lí địa hình và khoáng sản, khí hậu , đặc điểm dân cư xã hội )

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung dạy học và giúp đỡ HS một cách kịp thời.

II. **XÁC ĐỊNH HÌNH THỨC KIỂM TRA**:

- Hình thức trắc nghiệm(30%TN), tự luận (70% TL)

III. **XÂY DỰNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**:

Đề kiểm tra với các chủ đề và nội dung kiểm tra có số tiết: 5 tiết (100%), phân phối cho các nội dung thuộc chương XI Châu Á(Đặc điểm phát triển kinh tế xã hội các nước châu Á, Tình hình phát triển kinh tế xã hội các nước châu Á, Khu vực Tây Nam Á, Đặc điểm dân cư, kinh tế các nước châu Á, Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á).

- Trên cơ sở phân phối số tiết như trên, kết hợp với việc xác định các chuẩn quan trọng tiến hành xây dựng ma trận đề kiểm tra như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề - Nội dung/ Mức độ nhận thức** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **Vận dụng** | **Vận dụng Cao** | |
| **Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á** |  |  |  |  | -Rèn luyện kĩ nẵng vẽ biểu đồ | nhận xét, giải thích. | |
|  |  |  |  | *Số câu: ½*  *Số điểm:2,0đ* | *Số câu: ½*  *Số điểm:1,0đ* | |
| **Tình hình phát triển kinh tế xã hội ở các nước châu Á** | -Biết được sự phân bố cây trồng vật nuôi ở các khu vực châu Á  -Biết được đặc điểm phân bố khoáng sản ở các nước châu Á |  | -Hiểu được đặc điểm phát triển ngành dịch vụ của các nước châu Á |  |  |  | |
| *Số câu:2*  *Sđ:0,5đ* |  | *Số câu: 1*  *Sốđiểm:0,25đ* |  |  |  | |
| **Khu vực Tây Nam Á** | -Biết được loại tài nguyên quan trọng của vùng  -Biết được tôn giáo chính của người dân khu vực Tây Nam Á. |  | -Hiểu được ý nghĩa của vị trí địa lí khu vực Tây Nam Á  -Hiểu được đặc điểm địa hình của khu vực Tây Nam Á  -Hiểu được đặc điểm khí hậu của khu vực  -Hiểu được thế mạnh phát triển công nghiệp của vùng |  |  |  | |
|  | *Số câu: 2*  *Số điểm:0,5* |  | *Số câu:4*  *Sđ: 1,0đ* |  |  |  | |
| **Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á** |  | -Trình bày được đặc điểm dân cư khu vực Nam Á |  | -hiểu được nguyên nhân làm cho dân cư khu vực Nam Á phân bố không đều |  |  | |
|  | *Số câu : 1/2*  *Sốđiểm2,5đ* |  | *Số câu:1/2*  *Số điểm: 1,5đ* |  |  | |
| **Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á** | *-Biết được vị trí tiếp giáp của khu vực Đông Á*  *-Biết được vị trí vành đai lửa, các quốc gia chịu tác động mạnh của nứi lửa, động đất.* |  | *-Hiểu được sự phân hóa khí hậu trên đất liền, hải đảo của khu vực Đông Á* |  |  |  | |
|  | *Số câu: 2*  *Số điểm: 0,5đ* |  | *Số câu : 1*  *Sốđiểm:0,25đ* |  |  |  | |
| *Số câu: 14*  *Sốđiểm:10.0đ tỉ lệ: 100%* | *Số câu: 6*  *Số điểm: 1.5đ= 15%* | *Số câu: 1/2*  *Số điểm: 2.5đ=25%* | *Số câu: 6*  *Số điểm: 1.5đ= 15%* | *Số câu: 1/2*  *Số điểm: 1.5đ=15%* | *Số câu: 1/2*  *Số điểm:*  *2.0đ =20%* | | *Số câu: 1/2*  *Số điểm: 1.0đ=10%* |
| *TĐ:100% = 10.0 điểm* | *4.0 = 40%* | | *3.0 = 30%* | | *3.0 = 30%* | | |

**IV. BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA**

**I.TRẮC NGHIỆM: (3 điểm )**

**Em hãy khoanh tròn vào trước câu trả lời đúng**

**Câu 1: (0,25đ**) Các nước khu vực Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á có các loại cây trồng chủ yếu

A.Lúa mì, bông, chà là B.Lúa gạo, ngô, chà là

C.Lúa gạo, ngô, chè D.Lúa gạo, lúa mì, cọ dầu.

**Câu 2: (0,25 đ)** khu vực Tây Nam Á có dạng địa hình chủ yếu

A.Núi và cao nguyên B.Đồng bằng

C.Đồng bằng và bán bình nguyên D.Hoang mạc.

**Câu 3: (0,25 đ)** Khí hậu chủ yếu của tây Nam Á là

A.Gió mùa B.Hải dương C.Lục địa D.Xích đạo.

**Câu 4: (0,25đ)** Đông Á tiếp giáp với đại dương

A.Đại Tây Dương B.Bắc Băng Dương

C.Ấn Độ Dương D.Thái Bình Dương.

**Câu 5: (0,25đ)**Những quốc gia có ngành dịch vụ phát triển cao

A.Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản B.Trung quốc, Xingapo, Hàn Quốc

C.Nhật Bản, Trung quốc, Hàn Quốc D.Nhật Bản, Xingapo, Hàn Quốc.

**Câu 6: (0,25đ)**Quốc gia só sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất châu Á

A.Việt Nam B.Arapxeut C.Nhật Bản D.Trung quốc.

**Câu 7: (0,25 đ)** Tài nguyên quan trọng nhất khu vực Tây Nam Á

A.Than đá B.Vàng C.Kim cương D.Dầu mỏ.

**Câu 8: (0,25đ)** Quốc gia ở Đông Á thường xảy ra động đất , núi lửa:

A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc.

C. Triều Tiên. D. Nhật Bản.

**Câu 9: (0,25đ)** Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo đạo:

A. Hồi giáo. B. Ki- tô- giáo.

C. Phật giáo. D. Ấn Độ giáo.

**Câu 10: (0,25đ)** Nhận xét nào không dúng với đặc điểm về vị trí của Tây Nam Á

A.Nằm ở ngã ba của ba châu lục B.Tiếp giáp với nhiều vùng biển

C.Có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị D.Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

**Câu 11: (0,25đ)** Ngành công nghiệp phát triển mạnh ở Tây Nam Á

A.Khai thác than đá B.Công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ

C.công nghiệp điện tử, tin học D.Công nghiệp nguyên tử, hàng không vũ trụ.

**Câu 12: (0,25đ)** Phần lãnh thổ phía Đông đất liền và hải đảo Đông Á thuộc kiểu khí hậu

A.Gió mùa B.Lục địa C.cận nhiệt địa trung hải D.Núi cao.

**II.TỰ LUẬN (7 ðiểm)**

**Câu 1: (4,0đ)**

a/ Trình bày đặc điểm dân cư của khu vực Nam Á?

b/ Giải thích tại sao dân cư khu vực Nam Á phân bố không đồng đều?

**Câu 2: (3,0đ)** Cho bảng số liệu sau

Bình quân GDP / người của một số quốc gia ở châu Á năm 2019.(đơn vị: USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quốc gia | Cô oet | Hàn Quốc | Trung Quốc | Nhật Bản | Việt Nam |
| GDP/người | 69.669 | 39.378 | 16.624 | 42.659 | 6.990 |

a/Hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện mức thu nhập bình quân đầu người (GDP/ người) của một số nước ở châu Á

b/Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét và giải thích.

**V.ÐÁP ÁN VÀ THANG ÐIỂM**

**I.TRẮC NGHIỆM: (3 điểm )**

Mỗi câu trả lời ðúng ðýợc 0,25 ðiểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Ý đúng | C | A | C | D | D | B | D | D | A | D | B | A |

II.TỰ LUẬN (7,0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu số** | **Gợi ý trả lời** | **Điểm** |
| 1.(4,0đ) | a/ Đặc điểm dân cư khu vực Nam Á  -Quy mô dân số đứng thứ 2 châu Á 91356 triệu người – 2001)  -Mật độ dân số đứng thứ nhất châu Á (302 người/ km2 – 2001)  -Phân bố không đồng đều  +Tập trung đông : đồng bằng, ven biển, nơi có nguồn nước ngọt  +Thưa thớt: Tây Bắc Ấn Độ, Pakixtan, trung tâm sơn nguyên Đêcan và vùng núi cao Himalaya.  b/Dân cư khu vực Nam Á phân bố không đều vì:  +Đồng bằng Ấn - Hằng, dải đồng bằng ven biển có địa hình tương đối bằng phẳng, đất tốt, khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều thuận lợi cho sản xuất nên dân cư tập trung đông đúc.Giao thông thuận tiện, có lịch sử lâu đời  + Trên vùng núi Hi-ma-lay-a địa hình hiểm trở và những nơi khí hậu khô hạn, ít mưa không thuận lợi cho sản xuất nên ít dân cư | (2,5đ)  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  (1,5đ)  0,75đ  0,75đ |
| Câu 2: (3,0đ) | a/ Vẽ biểu đồ cột (đúng, đẹp, thiếu 1 yếu tố trừ 0,25đ)  b/Nhận xét:  -Mức thu nhập bình quân đầu người của các nước đã có sự tăng vượt bậc  +Cao nhất là cô oet quốc gia có thu nhập cao nhất châu Á, nằm trong khu vực các nước giàu, phát triển kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào khai thác dầu mỏ  +Việt Nam có mức thu nhập tăng cao so với năm 2001 (415 USD/ người) nhưng còn thấp so với các nước, kinh tế Việt nam phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp  +Các nước Nhật Bản kinh tế phát triển toàn diện và ổn định  +Hàn quốc, Trung quốc kinh tế phát triển nhanh, đầu tư phát triển công nghiệp. | 2,0đ  (1,0đ)  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT CM | DUYỆT TỔ CM | Giáo viên  Nguyễn Thị Hoàn |